

Số: 68/TB - UBND

Phúc Xuân, ngày 03 tháng 07 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai dự toán thu chi ngân sách xã Phúc Xuân 6 tháng đầu năm 2023

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 11999/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2023 thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị Quyết số 12/NQ - HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của HĐND xã Phúc Xuân về việc phê chuẩn dự toán ngân sách năm 2023 của UBND xã Phúc Xuân;

UBND xã Phúc Xuân thông báo công khai dự toán thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023

(Có biểu chi tiết kèm theo)

UBND xã Phúc Xuân niêm yết công khai dự toán ngân sách bắt đầu từ ngày 03/07/2023 đến hết ngày 17/07/2023;

Địa điểm niêm yết : Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa của 8 xóm, trên loa phát thanh truyền thanh của xã, gửi thông qua trưởng xóm.

Trên đây là thông báo công khai dự toán thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023.

Nơi nhận

- Thường trực Đảng ủy
- Lãnh đạo UBND,
- Lưu VP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đông

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHÚC XUÂN**

Số: 92/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phúc Xuân, ngày 03 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
6 tháng đầu năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 11999/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2023 thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị Quyết số 12/NQ - HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của HĐND xã Phúc Xuân về việc phê chuẩn dự toán ngân sách năm 2023 của UBND xã Phúc Xuân;

Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023 (Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Công chức văn phòng – Thống kê, Ban tài chính, Kế toán ngân sách, các bộ phận chuyên môn, tập thể, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- UBMTTQ xã;
- Các ban ngành đoàn thể xã;
- Như điều 3;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Kết thúc niêm yết công khai dự toán thu chi ngân sách
xã Phúc Xuân 6 tháng đầu năm 2023

- 1. Thời gian:** Vào hồi 7 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 07 năm 2023
- 2. Địa điểm:** UBND xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên.
- 3. Thành phần gồm:**
 - Ông: Nguyễn Văn Đông, Chủ tịch UBND xã, Chủ tài khoản
 - Bà: Cao Thị Thu Giang, Công chức kế toán NS, Thành viên
 - Bà Trần Thị Phương, Công chức Văn phòng - Thống kê, Thành viên
- 4. Nội dung:**

Tiến hành lập biên bản Kết thúc niêm yết công khai công khai dự toán thu chi ngân sách xã Phúc Xuân 6 tháng đầu năm 2023
(Có biểu chi tiết kèm theo)

Thời gian niêm yết từ ngày 03/07/2023 đến hết ngày 17/07/2023.

Trong thời gian niêm yết trên không nhận được bất kỳ ý kiến phản ánh hay khiếu nại về Danh sách trên.

Vậy chúng tôi lập biên bản này làm căn cứ báo cáo UBND thành phố, phòng tài chính kế hoạch.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

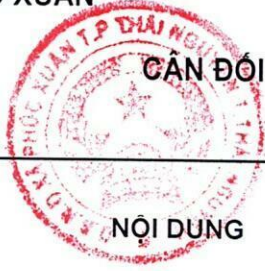


Cao Thị Thu Giang

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đông



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ (6 THÁNG) NĂM 2023

Đơn vị: Đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	So sánh (%)
I	TỔNG SỐ THU	11.428.034.106	6.758.766.999	78,0
1	Các khoản thu xã được hưởng 100%	122.000.000	168.400.500	138,0
	Phí môn bài	24.000.000	21.800.000	90,8
	Phí, lệ phí	30.000.000	12.396.000	41,3
	Thu khác	68.000.000	134.204.500	197,4
2	Các khoản thu theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.806.800.000	1.110.932.393	19,1
	Thuế giá trị gia tăng	136.800.000	111.973.534	81,9
	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.425.000.000	123.143.038	8,6
	Thuế thu nhập cá nhân (BĐS)	4.095.000.000	428.519.571	10,5
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	150.000.000	296.250	0,2
	Thuế phạt từ vi phạm hành chính	-	-	-
	Thu quản lý qua ngân sách(Tiền nhân dân đóng góp đường bê tông)	-	447.000.000	-
3	Thu bổ sung	111.213.000	91.413.000	82,2
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	40.445.000	20.645.000	51,0
	Thu bổ sung có mục tiêu	70.768.000	70.768.000	-
4	Thu chuyển nguồn	5.388.021.106	5.388.021.106	-
II	TỔNG SỐ CHI	6.984.656.285	2.608.890.093	37,4
1	Chi đầu tư phát triển	734.355.285	734.355.285	100,0
2	Chi thường xuyên	6.132.203.000	1.874.534.808	30,6
3	Dự phòng	118.098.000	-	-

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ (6 THÁNG) NĂM 2023

Đơn vị: Đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán năm		Ước thực hiện 6 tháng		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng thu	6.468.000.000	11.428.034.106	1.423.202.827	6.758.766.999	22,004	59,1
I	Các khoản thu 100%	122.000.000	122.000.000	168.400.500	168.400.500	138,0	138,0
	Thu phí môn bài	24.000.000	24.000.000	21.800.000	21.800.000	90,8	90,8
	Thu phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000	12.396.000	12.396.000	41,3	41,3
	Thu khác	68.000.000	68.000.000	134.204.500	134.204.500	197,4	197,4
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	6.346.000.000	5.806.800.000	1.254.802.327	1.110.932.393	19,7731	19,1316
1	Các khoản thu phân chia						
	Thuế gia trị gia tăng	152.000.000	136.800.000	129.598.964	111.973.534	85,3	81,9
	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.425.000.000	1.425.000.000	123.143.038	123.143.038	8,6	8,6
	Thuế thu nhập cá nhân (BĐS)	4.550.000.000	4.095.000.000	495.971.712	428.519.571	10,9	10,5
	Thuế thu nhập cá nhân (hộ)	69.000.000	-	58.574.238	-	84,9	
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, đất nông nghiệp	150.000.000	150.000.000	296.250	296.250	0,2	0,2
	Thu quản lý qua ngân sách(Tiền nhân dân đóng góp đường)	-	-	447.000.000	447.000.000		
	Thu phạt hành chính, thuế			218.125			
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-	-	-	-		
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		5.388.021.106		5.388.021.106		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		111.213.000		91.413.000		82,2
	Thu bổ sung cân đối ngân sách		40.445.000		20.645.000		51,0
	Thu bổ sung có mục tiêu		70.768.000		70.768.000		100,0



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ (6 THÁNG) NĂM 2023

Đơn vị: Đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện (6 tháng) năm 2023			So sánh (%)		
		Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	Tổng chi	6.132.203.000	735.355.285	6.132.203.000	2.609.889.093	735.355.285	1.874.533.808	42,6	100	30,6
	Trong đó:									
I	Chi đầu tư phát triển	-								
1	- Chi đầu tư XDCB	734.355.285	735.355.285		735.355.285					
2	- Chi sửa chữa, mua sắm tài sản									
II	Chi thường xuyên	6.014.105.000		6.014.105.000	1.874.533.808		1.874.533.808	48,1		48,1
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	732.058.000		732.058.000	238.873.643		238.873.643	32,63		32,63
	- Chi dân quân tự vệ	449.205.000		449.205.000	114.947.243		114.947.243	26		26
	- Chi an ninh trật tự	282.853.000		282.853.000	123.926.400		123.926.400	44		44
2	Chi hoạt động TTVH - THCB	124.000.000		124.000.000	-		-	0		0
	- Hoạt động văn hóa thông tin	99.000.000		99.000.000				0		0
	- Hoạt động thể dục thể thao	25.000.000		25.000.000				0		0,0
3	Chi sự nghiệp xã hội	329.608.000		329.608.000	116.165.000		116.165.000	35		35
	- Hưu xã thời việc và trợ cấp khác	192.696.000		192.696.000	96.348.000		96.348.000	50		50,0
	- Già trẻ cô đơn và trợ cấp khác	71.912.000		71.912.000	19.817.000		19.817.000	28		28
	- Hoạt động chính sách người có công	65.000.000		65.000.000				0		0
4	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.828.439.000		4.828.439.000	1.438.180.935		1.519.495.165	30		30
	- Quản lý nhà nước	2.783.970.442		2.783.970.442	778.778.010		778.778.010	28		28
	- Hội đồng nhân dân	347.056.876		347.056.876	106.043.617		106.043.617	31		31
	- Công tác Đảng	637.119.012		637.119.012	240.099.930		240.099.930	38		38
	- Mặt trận tổ quốc Việt Nam	316.752.000		316.752.000	95.947.881		112.210.927	30		30

	- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	143.045.020	143.045.020	26.451.227	42.713.273	18	18
	- Hội liên hiệp Phụ nữ VN	140.347.650	140.347.650	42.031.821	58.294.867	30	30
	- Hội Nông dân Việt Nam	191.320.000	191.320.000	47.827.524	64.090.570	25	25
	- Hội Cựu chiến binh VN	133.456.000	133.456.000	34.314.925	50.577.971	26	26
	- Hội Chữ Thập đỏ	22.456.000	22.456.000	8.940.000	8.940.000	40	40
	- Hội Người cao tuổi	22.456.000	22.456.000	8.940.000	8.940.000	40	40
	- Hội Khuyến học						
	- Các hội đặc thù khác	90.460.000	90.460.000	48.806.000	48.806.000	54	54
III	Chi dự phòng ngân sách	118.098.000	118.098.000	-	-		